

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2021/HS-ST**

Ngày: 09-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc
Bà Đoàn Thị Chuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2021/TLST-HS ngày 24/6/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HS ngày 28/6/2021, đối với bị cáo:

Lê Thị N, sinh ngày 23/12/1987 tại Hải Dương; nơi ĐKTT: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Lê Văn Đủ và bà Lê Thị Mận; có chồng và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người làm chứng:

1. NLC1,
2. NLC2,
3. NLC3.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Thị N thuê nhà của NLC3, ở xóm Trung, Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương để mở quán cắt tóc. Chiều ngày 26/4/2021, N chuẩn bị sẵn các mảnh giấy gọi là “cáp đề”, “bảng đề”, bút bi và kéo để bán số lô, số đề. Khoảng 17 giờ cùng ngày, NLC1, sinh năm 1984, ở thôn B, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương và NLC2, sinh năm 1989, ở thôn Xuân Trì, xã Tân Quang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cùng đến để mua số lô, số đề. NLC1 mua số lô 85, 10, 26, mỗi số 25 điểm, mỗi điểm 20.000 đồng, thành tiền là 1.500.000 đồng và số đề 26, 10, mỗi số 100.000 đồng, thành tiền là 200.000 đồng. Tổng số tiền NLC1 mua số lô, số đề là 1.700.000 đồng. N ghi các số lô, số đề vào “bảng đề” và “cáp đề” rồi đưa “cáp đề” cho NLC1. NLC1 đưa cho N số tiền 1.700.000 đồng. Sau đó NLC2

mua số lô là 38, 83, 86, mỗi lô 50 điểm, mỗi điểm 20.000 đồng, thành tiền là 3.000.000 đồng và số đề 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, mỗi số đề 50.000 đồng, thành tiền là 500.000 đồng. Tổng số tiền NLC2 mua số lô, số đề là 3.500.000 đồng. N ghi các số lô, số đề, giá tiền vào “bảng đề” và “cáp đề” rồi đưa “cáp đề” cho NLC2. NLC2 đưa cho N số tiền 3.500.000 đồng thì bị lực lượng Công an huyện Thanh Miện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: Số tiền 5.200.000 đồng trên người Lê Thị N; 01 mảnh giấy hình chữ nhật có kích thước 5cm x 10cm bề mặt có viết chữ và số tự nhiên thu trên người NLC1; 01 mảnh giấy hình chữ nhật kích thước 5cm x 10cm bề mặt có viết chữ và số tự nhiên thu trên người NLC2; một số mảnh giấy hình chữ nhật kích thước 5cm x 10cm trên bề mặt không viết gì; 01 bút bi mực đen đã qua sử dụng; 01 vở ghi màu da cam loại dòng kẻ có kích thước 21cm x 30 cm không có chữ; 01 kéo kim loại, chuôi nhựa màu xanh đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy hình chữ nhật kích thước khoảng 5cm x 10cm bề mặt có viết chữ và số tự nhiên thu của N.

Đánh bạc dưới hình thức đánh số lô, số đề là căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày. Người chơi sẽ chọn các số tự nhiên có 02 chữ số từ 00 đến 99 với giá tiền tùy ý (với số lô thì số điểm tùy ý, 01 điểm giá 20.000 đồng). Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc thì người chơi sẽ so với số mà mình đã mua để biết thắng, thua. Với số lô thì so với 02 số cuối của tất cả các giải, nếu trùng thì là trúng lô và được số tiền gấp 3,5 lần số tiền bỏ ra mua số lô, nếu không trùng thì mất số tiền đã bỏ ra mua số lô. Với số đề thì so với hai số cuối của giải đặc biệt, nếu trùng thì là trúng đề và được số tiền gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra mua số đề, nếu không trùng thì mất số tiền đã bỏ ra mua số đề.

Kết luận giám định số 33 ngày 08/6/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết, chữ số trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1-A3) với chữ viết, chữ số trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1-M3) là do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 43/VKS-HS ngày 23/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương truy tố Lê Thị N ra trước Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương để xét xử về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện là đúng, xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội Đánh bạc.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lê Thị N từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quy Nhà nước số tiền 5.200.000 đồng do phạm tội mà có; tịch thu tiêu hủy 01 quyển vở, các mảnh giấy trắng, 01 chiếc kéo, 01 bút bi là công cụ phạm tội không còn giá trị.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, Kết luận giám định chữ viết, “bảng đề”, “cáp đề” và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 26/4/2021, tại quán cắt tóc Tường Vy do Lê Thị N thuê của NLC3, ở xóm Trung, Thôn L, xã N, huyện T, Lê Thị N có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số lô, số đề cho NLC1 với số tiền 1.700.000 đồng và NLC2 với số tiền 3.500.000 đồng thì bị lực lượng Công an huyện Thanh Miện phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền Lê Thị N đánh bạc là 5.200.000 đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nhưng vì động cơ tư lợi, muốn có tiền nhanh chóng bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện truy tố bị cáo ra trước tòa để xét xử với tội danh trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ quy định của pháp luật, sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy có thể cho bị cáo cải tạo tại địa phương tạo điều kiện giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm và cũng có tác dụng giáo dục thành công dân tốt, đồng thời bảo đảm mục đích đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập thấp và không ổn định, số tiền do phạm tội mà có không lớn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Số tiền dùng vào việc phạm tội là 5.200.000 đồng cần tịch thu để sung quỹ nhà nước. Đối với 01 quyển vở không có nội dung, các mảnh giấy trắng, 01 chiếc kéo, 01 bút bi là công cụ phạm tội và không còn giá trị cần tịch thu và tiêu hủy.

[6] Đối với hành vi của NLC1, NLC2 đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, Công an huyện Thanh Miện đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số đối với NLC1, NLC2 là đúng quy định. Quá trình điều tra xác định NLC3 cho Lê Thị N thuê địa điểm để mở quán cắt tóc, không biết N bán số lô, đề nên không có căn cứ để xử lý đối với NLC3. Ngoài ra, bị cáo khai những ngày trước đó có bán số lô, số đề cho một số người nhưng không nhớ bán cho ai, số tiền bao nhiêu, nên không có căn cứ xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.200.000 đồng dùng vào việc phạm tội; tịch thu tiêu hủy 01 quyển vở, các mảnh giấy trắng, 01 chiếc kéo, 01 bút bi là công cụ phạm tội (*vật chứng có đặc điểm ghi tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện*).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an huyện Thanh Miện;
- CQ THAHS Công an huyện Thanh Miện;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính